

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2024/DS-ST
Ngày 12-9-2024.
V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ–TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị V.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Miêng.
2. Ông Lê Mộng Linh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2024/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Quốc V, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp TH, xã MH, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp TH, xã MH, huyện P, tỉnh Bến Tre. Chị V có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Quốc L, sinh năm 1988; Chị Lê Thị Bích K, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp AHB, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre. Anh L và chị K vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp TH, xã MH, huyện P, tỉnh Bến Tre. Chị V có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2018 đến năm 2022 anh V1 có nhiều lần bán thức ăn cho anh L và chị K. Việc mua bán các bên chỉ thoả thuận bằng lời nói chứ không có làm hợp đồng theo quy định, theo thoả thuận thì anh V1 sẽ bao thức ăn cho anh L và chị K cho đến cuối vụ, khi nào anh L và chị K thu hoạch tôm thì phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ cho anh V1. Tuy nhiên, có những vụ anh L và chị K thua lỗ nhưng anh V1 vẫn tiếp tục bán, tính đến ngày 01/7/2022 thì anh L còn nợ anh V1 số tiền là 61.560.000 đồng, đến cuối năm 2023 thì anh L và chị K trả 15.000.000 đồng, hiện còn nợ lại là 46.650.000 đồng.

Anh V1 yêu cầu anh L và chị K phải có nghĩa vụ liên đới giao trả cho anh V1 số tiền nợ gốc là 46.650.000 đồng. Anh V1 tự nguyện rút một phần yêu cầu tiền lãi đối với anh L và chị K với số tiền là 6.195.000 đồng. Việc này là do anh V1 tự nguyện.

Bị đơn anh Bùi Quốc L và chị Lê Thị Bích K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo, quyết định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Bùi Quốc L và chị Lê Thị Bích K cư trú tại ấp An Hòa B, xã Mỹ An, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Bị đơn anh Bùi Quốc L và chị Lê Thị Bích K đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh L và chị K đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L và chị K.

[4] Xét việc anh V1 tự nguyện rút một phần yêu cầu đối với anh L và chị K với số tiền 6.195.000 đồng. Xét thấy: việc rút yêu cầu này của anh V1 là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại các Điều 217, 218 và Điều 219 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Nội dung vụ án: Anh V1 yêu cầu anh L và chị K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh V1 số tiền là 46.650.000 đồng.

[6] Xét thấy: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, anh V1 đã cung cấp tài liệu, chứng cứ là bản gốc “Sổ tay mua bán L gần nhà 6 Lớn” để chứng minh cho

yêu cầu khởi kiện của mình. Đối với anh L và chị K có trực tiếp ký nhận các thông báo, quyết định của Tòa án nhưng đều vắng mặt không có lý do nên anh L và chị K đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp để xét xử vụ án.

[7] Xét yêu cầu của anh V1, xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự có đủ cơ sở xác định, hợp đồng mua bán giữa anh L và chị K và anh V1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Quá trình thực hiện hợp đồng đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lẽ đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh V1 là có căn cứ nên cần buộc bị đơn anh L và chị K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Quan số tiền là 46.650.000 đồng là phù hợp.

[8] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Quốc V được chấp nhận nên bị đơn anh L và chị K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 217, 218, 219, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440, 357 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quốc V về việc yêu cầu anh Bùi Quốc L và chị Lê Thị Bích K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh V1 số tiền là 6.195.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Quốc V. Buộc anh Bùi Quốc L và chị Lê Thị Bích K có nghĩa vụ liên đới giao trả cho anh Trần Quốc V số tiền là 46.650.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy

định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Trần Quốc V được Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.321.000 theo biên lai thu số 0003668 ngày 27 tháng 02 năm 2024.

- Anh Bùi Quốc L và chị Lê Thị Bích K phải liên đới nộp là 2.332.500 đồng.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị V